

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST

Ngày: 08-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Bích Loan
2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2021/TLST-DS ngày 16/3/2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Tân B, huyện Tân Tr, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1964 (vắng mặt);
2. Ông Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Nhựt Ch, huyện Bến L, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Tân B, huyện Tân Tr, tỉnh Long An.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ Nguyễn Ph1;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Ph1, Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở chính: Số 262, ấp 2, xã Nhựt Ch, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành L1 trình bày:

Ông Nguyễn Thành L1 là chủ vựa cù tràm Sáu Long. Do mối quan hệ quen biết, mua bán cù tràm nhiều năm giữa ông L1 và ông Nguyễn Hoàng A1 nên vào ngày 30/6/2020, ông Hoàng A1 gọi điện thoại cho ông L1 đặt mua 600 cây cù tràm, loại 8 – 10, giá 38.000đồng/cây, thành tiền 22.800.000đồng. Sau khi ông L1 giao đủ số lượng cù tràm thì ông Hoàng A1 ký tên vào “mục người nhận hàng” theo hóa đơn bán lẻ ngày 30/6/2020.

Ngày 31/6/2020, ông Hoàng A1 gọi điện thoại cho ông L1 đặt mua 1.000 cây cù tràm, loại 8 – 10, giá 38.000đồng/cây, thành tiền 38.000.000đồng; ngày 01/7/2020, ông Hoàng A1 gọi điện thoại cho ông L1 đặt mua 600 cây cù tràm, loại 8 – 10, giá 38.000đồng/cây, thành tiền 22.800.000đồng; tại thời điểm ông L1 giao số lượng cây cù tràm cho ông Hoàng A1 thì ông Hoàng A1 vắng mặt tại công trình nên ông Hoàng A1 gọi điện thoại nhờ cha ruột là ông Nguyễn Thanh H1 kiểm đếm đủ số lượng cây cù tràm và ký tên vào “mục người nhận hàng – Nguyễn Thanh H1”, theo các hóa đơn bán lẻ ngày 30/6/2020 và ngày 01/7/2020. Ông L1 đã giao đủ số lượng cây cù tràm cho ông H1, ông Hoàng A1 nhưng ông H1, ông Hoàng A1 không chịu trả tiền cho ông L1, nhiều lần ông L1 đến nhà đòi tiền nhưng ông H1, ông Hoàng A1 cố tình lẩn tránh, không chịu trả tiền.

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2021, ông L1 khởi kiện yêu cầu ông H1, ông Hoàng A1 liên đới trả cho ông L1 số tiền 83.600.000đồng. Tại phiên tòa, ông L1 bổ sung, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông L1 chỉ yêu cầu cá nhân ông Hoàng A1 trả cho ông L1 số tiền 83.600.000đồng, không yêu cầu cha ruột ông Hoàng A1 là ông H1 cùng liên đới trả cho ông L1 số tiền này.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/4/2021 và bản tự khai ngày 16/4/2021, ông Nguyễn Hoàng A1 trình bày: Ông Hoàng A1 là con ruột của ông Nguyễn Thanh H1. Ông Hoàng A1 và ông H1 là người làm thuê cho Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyễn Ph1. Trong quá trình thi công công trình cho Công ty Nguyễn Ph1, ông Hoàng A1 có điện thoại cho ông L1 yêu cầu giao số lượng 2.200 cây cù tràm vào các ngày 30/6/2020, ngày 31/6/2020 và ngày 01/7/2020 như ông L1 trình bày. Tuy nhiên, ông Hoàng A1 cho rằng, ông Hoàng A1 chỉ là người làm thuê cho Công ty Nguyễn Ph1 nên Công ty Nguyễn Ph1 có trách nhiệm thanh toán cho ông L1 số tiền 83.600.000đồng.

Bà Nguyễn Thị M1 trình bày: Bà M1 là vợ của ông L1, bà M1 thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông L1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi ý kiến của

ông Nguyễn Thanh H1; ông Nguyễn Thanh Ph1 – đại diện Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyễn Ph1 đối với yêu cầu khởi kiện của ông L1. Tuy nhiên, ông H1 và ông Ph1 cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Ông L1 khởi kiện yêu cầu ông H1 và ông Hoàng A1 liên đới thanh toán cho ông L1 số tiền 83.600.000đồng. Chứng cứ ông L1 cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông L1 là các hóa đơn bán lẻ ngày 30/6/2020, ngày 31/6/2020 và ngày 01/7/2020. Nội dung các hóa đơn này thể hiện: “khách hàng Hoàng, ngày 30/6/2020, mua 600 cây cừ tràm, loại 8 – 10, giá 38.000đồng/cây; ngày 31/6/2020, mua 1.000 cây cừ tràm, loại 8 – 10, giá 38.000đồng/cây; ngày 01/7/2020, mua 600 cây cừ tràm, loại 8 – 10, giá 38.000đồng/cây”. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 16/4/2021 và bản tự khai ngày 16/4/2021, ông Hoàng A1 thừa nhận có điện thoại cho ông L1 yêu cầu giao số lượng 2.200 cây cừ tràm vào các ngày 30/6/2020, ngày 31/6/2020 và ngày 01/7/2020 như ông L1 trình bày. Tuy nhiên, ông Hoàng A1 cho rằng, ông Hoàng A1 chỉ là người làm thuê cho Công ty Nguyễn Ph1 nên Công ty Nguyễn Ph1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 83.600.000đồng cho ông L1 nhưng ông Hoàng A1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông Hoàng A1 là người làm thuê cho Công ty Nguyễn Ph1, cũng như không cung cấp được chứng cứ chứng minh Công ty Nguyễn Ph1 ủy quyền hoặc giao trách nhiệm cho ông Hoàng A1 trong việc đặt mua cừ tràm từ ông L1 nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến này của ông Hoàng A1. Tại phiên tòa, ông L1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông L1 chỉ yêu cầu cá nhân ông Hoàng A1 trả cho ông L1 số tiền 83.600.000đồng, không yêu cầu ông H1 liên đới cùng ông Hoàng A1 trả cho ông L1 số tiền này. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông L1 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L1 về việc yêu cầu ông Hoàng A1 thanh toán cho ông L1 số tiền mua cừ tràm là 83.600.000đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông L1 về việc yêu cầu ông H1 liên đới cùng với ông Hoàng A1 trả cho ông L1 số tiền mua cừ tràm là 83.600.000đồng.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về phạm vi khởi kiện: Ông L1 khởi kiện yêu cầu ông H1, ông Hoàng A1 liên đới thanh toán cho ông L1 số tiền 83.600.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông L1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ liên đới, theo đó ông L1 chỉ yêu cầu cá nhân ông Hoàng A1 trả số tiền 83.600.000đồng mà không yêu cầu cha ruột ông Hoàng A1 là ông H1 cùng liên đới trả cho ông L1 số tiền này. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông L1 không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, Điều 188, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân

sự nên được chấp nhận. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của ông L1.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông L1 khởi kiện yêu cầu ông H1, ông Hoàng A1 liên đới thanh toán cho ông L1 số tiền nợ liên quan đến việc mua bán cây cừ trà. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông H1 và ông Hoàng A1 có nơi cư trú tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A1, ông Nguyễn Thanh H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Ph1 – đại diện Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Nguyễn Ph1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L1 thấy rằng:

[5.1] Ông L1 khởi kiện yêu cầu ông H1 và ông Hoàng A1 liên đới thanh toán cho ông L1 số tiền 83.600.000đồng. Chứng cứ ông L1 cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông L1 là các hóa đơn bán lẻ ngày 30/6/2020, ngày 31/6/2020 và ngày 01/7/2020. Theo nội dung các hóa đơn này thể hiện: “khách hàng Hoàng, ngày 30/6/2020, mua 600 cây cừ trà, loại 8 – 10, giá 38.000đồng/cây; ngày 31/6/2020, mua 1.000 cây cừ trà, loại 8 – 10, giá 38.000đồng/cây; ngày 01/7/2020, mua 600 cây cừ trà, loại 8 – 10, giá 38.000đồng/cây”. Theo như ông L1 trình bày, do mối quan hệ quen biết nhiều năm trong việc mua bán cừ trà nên giữa ông L1 và ông Hoàng A1 (tên thường gọi Hoàng) không có ký kết hợp đồng mua bán, chỉ giao kết bằng miệng; khi ông Hoàng A1 thi công công trình giao thông, cần mua cừ trà thì ông Hoàng A1 gọi điện trực tiếp cho ông L1, sau khi các bên thống nhất về số lượng, quy cách thì ông L1 sẽ trực tiếp giao cừ trà cho ông Hoàng A1; sau khi kiểm đếm xong số lượng, kiểm tra quy cách cừ trà thì ông Hoàng A1 ký tên vào mục “người nhận hàng”, trường hợp không có mặt ông Hoàng A1 tại công trình thì ông L1 sẽ điện thoại cho ông Hoàng A1 đề ông Hoàng A1 kêu người khác nhận thay. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 16/4/2021 và bản tự khai ngày 16/4/2021, ông Hoàng A1 thừa nhận có điện thoại cho ông L1 yêu cầu giao số lượng 2.200 cây cừ trà vào các ngày 30/6/2020, ngày 31/6/2020 và 01/7/2020 như ông L1 trình bày. Ông Hoàng A1 cho rằng, ông Hoàng A1 chỉ là người làm thuê cho Công ty Nguyễn Ph1 nên Công ty Nguyễn Ph1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 83.600.000đồng cho ông L1. Tuy nhiên, ông Hoàng A1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Hoàng A1 là người làm thuê cho Công ty Nguyễn Ph1, cũng như không cung cấp được chứng cứ chứng minh Công ty Nguyễn Ph1 đã ủy quyền hoặc giao trách nhiệm cho ông Hoàng A1 trong việc đặt mua cừ trà từ ông L1. Từ những chứng cứ do ông L1 cung cấp và ý kiến thừa nhận của ông Hoàng A1, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L1 về việc yêu cầu ông Hoàng A1 thanh toán cho ông L1 số tiền mua cừ trà là 83.600.000đồng.

[5.2] Xét đối với ý kiến của ông Hoàng A1 cho rằng nghĩa vụ trả số tiền 83.600.000đồng mua cù trầm cho ông L1 thuộc về Công ty Nguyễn Ph1. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Hoàng A1, ông H1 và ông Ph1 – đại diện cho Công ty Nguyễn Ph1 đến Tòa án để làm rõ mối quan hệ trong việc mua bán cù trầm của ông L1 nhưng ông Hoàng A1, ông H1 và ông Ph1 cố tình vắng mặt, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, nên lời khai này của ông Hoàng A1 là không có cơ sở chấp nhận. Trường hợp giữa ông Hoàng A1 và Công ty Nguyễn Ph1 phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán số tiền 83.600.000đồng mua cù trầm của ông L1 thì ông Hoàng A1 được quyền khởi kiện Công ty Nguyễn Ph1 bằng một vụ án khác.

[5.3] Xét yêu cầu liên đới thấy rằng: Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2021, ông L1 khởi kiện yêu cầu ông H1, ông Hoàng A1 liên đới trả cho ông L1 số tiền 83.600.000đồng. Tại phiên tòa, ông L1 bổ sung, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông L1 chỉ yêu cầu cá nhân ông Hoàng A1 trả cho ông L1 số tiền 83.600.000đồng, không yêu cầu cha ruột ông Hoàng A1 là ông H1 cùng liên đới trả cho ông L1 số tiền này. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông L1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông L1.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L1 về việc yêu cầu ông Hoàng A1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông L1 số tiền mua cù trầm là 83.600.000đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông L1 về việc yêu cầu ông H1 liên đới cùng ông Hoàng A1 trả cho ông L1 số tiền mua cù trầm là 83.600.000đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với ông Nguyễn Hoàng A1.

Buộc ông Nguyễn Hoàng A1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thành L1 số tiền 83.600.000đồng (tám mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thành L1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh H1 cùng liên đới với ông Nguyễn Hoàng A1 thanh toán cho ông Nguyễn Thành L1 số tiền 83.600.000đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng A1 phải chịu 4.180.000đồng (bốn triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Thành L1 số tiền 2.090.000đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Thành L1 đã nộp theo biên lai thu số 000.2908 ngày 16/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VK SND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Đông